

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 09 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thuận;

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Ngọc T; sinh năm: 1990; địa chỉ: số H/K, Trần Cao V, tổ Q, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt;

- *Bị đơn:* chị Hoàng Thị Mai P, sinh năm 1995; địa chỉ: số X, ngõ X1 (số X2/X3 cũ) đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Đoàn Thị Châu L, sinh năm 1988, địa chỉ: : số X, ngõ X1 (số X2/X3 cũ) đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Mai P đã tự nguyện đăng kí kết hôn ngày 02 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn anh và chị P có quá trình tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh và chị P chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách lối sống không hợp nhau, hai vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh và chị P đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Hoàng Thị Mai P, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hoàng Thị Mai P. Về con chung: Anh và chị P có một con chung là cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/11/2011, hiện nay cháu N đang sống cùng anh, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Hoàng Thị Mai P cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh làm tài xế lái xe ben chở vật liệu xây dựng, thu nhập T bình 1 tháng là 20.000.000 đồng, anh đã có chỗ ở ổn định, bố mẹ ruột anh cũng giúp đỡ trông cháu nên anh đủ khả năng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn chị Hoàng Thị Mai P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới. Vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường C, thành phố L. Sau khi cưới chị và anh T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hợp nhau, hiện nay anh chị đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Đoàn Ngọc T nữa, anh Đoàn Ngọc T xin ly hôn chị cũng nhất trí. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Đoàn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/11/2011, hiện nay cháu đang sống cùng anh Đoàn Ngọc T. Khi ly hôn chị nhất trí để cho anh Đoàn Ngọc T trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho anh chị vào ngày 18/08/2022, tuy nhiên chị Hoàng Thị Mai P vắng mặt, do vậy Tòa án không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đoàn Ngọc T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị P, yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/11/201, anh không yêu cầu Hoàng Thị Mai P cấp dưỡng nuôi. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Đoàn Ngọc T được ly hôn với chị Hoàng Thị Mai P. Về con chung: Anh Đoàn Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/11/2011 đến tuổi trưởng thành. Chị Hoàng Thị Mai P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đoàn Ngọc T không yêu cầu.

Chị Hoàng Thị Mai P được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Anh Đoàn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Đoàn Ngọc T xin ly hôn với chị Hoàng Thị Mai P, có nơi cư trú tại phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; căn cứ khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn chị Hoàng Thị Mai P và người làm chứng chị Đoàn Thị Châu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, (đều đã có đơn, ý kiến xin xử vắng mặt) do vậy Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Ngọc T Hội đồng xét xử thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Ngọc T và chị Hoàng Thị Mai P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2014, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn anh T và chị P sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách lối sống không hợp nhau. Anh T và chị P đã nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát. Anh T và chị P đã ly thân nhau từ tháng 2015 đến nay. Trong quá

trình ly thân cả 2 anh chị đều không thăm hỏi nhau, không quan đến nhau nữa. Hiện nay 2 vợ chồng anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Tại bản khai chị Hoàng Thị Mai P cũng trình bày không còn tình cảm với anh Đoàn Ngọc T, đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Ngọc T, nhận định trên đây cũng phù hợp với lời khai của nhân chứng chị Đoàn Thị Châu L. Xét thấy mâu thuẫn của anh T và chị P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những lí do trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Ngọc T.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/11/2011. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N của anh Đoàn Ngọc T. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh là chính đáng. Hiện nay cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N vẫn sống cùng bố, được anh Đoàn Ngọc T cho đi học và chăm sóc chu đáo, anh Đoàn Ngọc T làm lái xe, hàng tháng đều có thu nhập, chỗ ở ổn định và được sự giúp đỡ của ông bà nội để chăm sóc cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N đầy đủ. Cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N có nguyện vọng sống cùng bố là anh Đoàn Ngọc T, chị Hoàng Thị Mai P trong bản khai cũng có ý kiến nhất trí để anh Đoàn Ngọc T nuôi cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo sự phát triển, ổn định môi trường học tập, sinh sống của cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Đoàn Ngọc T, giao cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N cho anh Đoàn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đoàn Ngọc T không yêu cầu nên chị Hoàng Thị Mai P cấp dưỡng nên chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hoàng Thị Mai P được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Anh Đoàn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Ngọc T cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Ngọc T được ly hôn với chị Hoàng Thị Mai P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2013, ngày 02/4/2014 tại UBND phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Anh Đoàn Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đoàn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/11/2011 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Mai P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đoàn Ngọc T không yêu cầu.

Chị Hoàng Thị Mai P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Anh Đoàn Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000940 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, xác nhận anh Đoàn Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh Đoàn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị Mai P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- UBND P. C, TPLS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh

